

Bản án số: 97/2017/HSPT

Ngày: 26-9-2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Với Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Bạch Đăng Thi

Các thẩm phán: Ông Ngô Quang Dũng

Ông Ong Thân Thắng

Những người tiến hành tố tụng khác:

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân -Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Thu
- Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 26/9/2017 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 122/2017/HSPT ngày 22/8/2017 do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Trọng H đối với bản án hình sự sơ thẩm số 38/2017/HSST ngày 10/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Trọng H2, sinh năm 1964; trú tại: thôn Tân Kết, xã Đ, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang; Nghề nghiệp: Nguyên phó giám đốc văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thuộc Phòng tài nguyên và môi trường huyện H, tỉnh Bắc Giang; Trình độ văn hóa: 10/10; Con ông: Nguyễn Trọng H (đã chết); Con bà: Nguyễn Thị T (đã chết); Có vợ là Vũ Thị L, sinh năm 1966; Có 2 con, lớn sinh năm 1989, nhỏ sinh năm 1996; Gia đình có 7 anh chị em, bị cáo là thứ 7; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại - Vắng mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Trần Thị H, sinh năm 1974 (xin vắng mặt).

2. Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1971 (xin vắng mặt).

Đều trú tại: thôn T, xã Đ, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

3. Anh Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1978 (xin vắng mặt).

Trú tại: khu 4, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa và bản án hình sự sơ thẩm số 38/2017/HSST ngày 10/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Do có nhu cầu vay vốn bằng việc thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ngày 16/6/2012 Nguyễn Văn C và vợ là Trần Thị H gửi đơn trình báo với UBND xã Đ, huyện H về việc báo mất giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q344264, do UBND huyện H cấp ngày 18 tháng 12 năm 2000 và đề nghị được cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi làm các thủ tục báo mất theo quy định, ngày 10/7/2012, UBND xã Đ có tờ trình gửi UBND huyện và Phòng tài nguyên Môi trường huyện H đề nghị UBND huyện ra Quyết định hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q344264 và cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng Nguyễn Văn C. Khi hồ sơ gửi đến bộ phận một cửa thuộc UBND huyện H để đề nghị cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng bị trả lại vì còn sai sót và chưa đủ thủ tục. Qua mối quan hệ quen biết với chị Nguyễn Thị T sinh năm 1974 ở thôn Đ, xã Đ, huyện H, Bắc Giang giới thiệu. Tháng 9 năm 2012, Trần Thị H đã tìm đến nhà Nguyễn Trọng H2 là Phó Giám đốc Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thuộc Phòng tài nguyên và Môi trường huyện H nhờ Nguyễn Trọng H2 làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trần Thị H chủ động đặt vấn đề với Nguyễn Trọng H2 xin bồi dưỡng 10.000.000 đồng Nguyễn Trọng H2 không đồng ý và đưa ra mức bồi dưỡng số tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng.

Trong thời gian đó, khoảng 9 giờ một ngày trong tháng 9 năm 2012 (H và H2 không nhớ cụ thể ngày), Trần Thị H một mình đến nhà Nguyễn Trọng H2 ở thôn Tân Kết, xã Đ, huyện Hiệp Hòa. Tại đây H đưa cho H2 30.000.000 đồng loại tiền mệnh giá 500.000 đồng để H2 hướng dẫn làm thủ tục và giúp đỡ đề nghị cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng H - C, H2 nhận tiền và đồng ý. Do hồ sơ còn thiếu một số thủ tục quan trọng nên Nguyễn Trọng H2 và Đỗ Thành Q sinh năm 1984, là cán bộ hợp đồng của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thuộc Phòng tài nguyên & môi trường huyện H cùng UBND xã Đ tiến hành đo đạc, tách thửa, trích lục lô đất mà vợ chồng H, C trình báo mất giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi H2 hoàn thiện hồ sơ, gửi về bộ phận một cửa thuộc Văn Phòng UBND huyện H để được cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định. Do cần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay tiền nên Trần Thị H đã nhiều lần điện thoại giục H2 để được cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. H2 bảo chị H phải nộp tiếp 10 triệu đồng nữa, H đồng ý theo yêu cầu của H2. Buổi sáng, khoảng 9 giờ một ngày trong tháng 11 năm 2012, Nguyễn Văn C cùng vợ là Trần Thị H điều khiển xe mô tô hẹn gặp H2 ở khu vực mặt đường 296 thuộc địa phận xóm 2 thôn T, xã Đ, huyện H (đoạn gần cây xăng nhà ông C). H đưa cho H2 số tiền 10.000.000 đồng, loại tiền mệnh giá 500.000 đồng. Khi nhận đủ tiền của H, H2 đã làm các thủ tục cần thiết để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến ngày 29/11/2012, Trần Thị H và Nguyễn Văn C đã được UBND huyện H cấp 2 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 809831 diện tích

114.3m² đất ở thuộc thửa số 127 và số BK 809832 diện tích 980,7m² thuộc thửa số 130.

Về nguồn gốc đất, theo tài liệu trong hồ sơ vụ án thể hiện: Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1939 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1947 ở thôn T, xã Đ, huyện H, tỉnh Bắc Giang có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q344264 do UBND huyện H cấp ngày 18/12/2000 diện tích 1.329 m². Ngày 11/5/2010 ông K, bà H đã làm thủ tục tặng cho vợ chồng con trai và con dâu là Nguyễn Văn C và Trần Thị H, đã được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thuộc Phòng tài nguyên và môi trường huyện H xác nhận trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 13/7/2011 vợ chồng C, H đã chuyển nhượng một phần diện tích đất, số diện tích còn lại 1.095m². Ngày 18/4/2012 vợ chồng H, C đã thế chấp cho ngân hàng cổ phần Đại Dương chi nhánh Bắc Giang vay 1,5 tỷ đồng, cùng ngày được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất đăng ký thế chấp.

Ngày 16/7/2014, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa đã có công văn số 397/CV-VKS gửi UBND huyện Hiệp Hòa về việc xem xét tính có căn cứ và hợp pháp của 2 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 809831 và BK 809832 đều được ủy ban nhân dân huyện H cấp ngày 29/11/2012. Ngày 23/7/2014 Chủ tịch UBND huyện H có công văn số 24/UBND-TNMT trả lời: “Việc cấp 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên là không đúng với quy định của pháp luật”.

Hành vi của Trần Thị H, Nguyễn Văn C đã thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay tiền ngân hàng nhưng lại báo mất giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi được UBND huyện cấp lại 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã đem đi thế chấp vay 800 triệu đồng của Ngân hàng đầu tư chi nhánh Bắc Giang và vay 420 triệu đồng của anh Nguyễn Văn S ở khu 5 thị trấn T, huyện H, tỉnh Bắc Giang. Hành vi đó có dấu hiệu của tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại Điều 139 Bộ luật hình sự.

Đối với ông Nguyễn Ngọc T sinh năm 1978 là Giám đốc Văn phòng đăng ký sử dụng đất thuộc Phòng tài nguyên - Môi trường huyện H; Đỗ Thành Q - SN 1984, Đặng Xuân T - SN 1985, Nguyễn Thị N - SN 1971 đều là cán bộ Văn phòng đăng ký sử dụng đất thuộc Phòng tài nguyên và Môi trường huyện H, cùng một số cán bộ xã Đ có liên quan đến quy trình làm thủ tục và thẩm tra hồ sơ cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình Nguyễn Văn C và Trần Thị H có dấu hiệu vi phạm các quy định của nhà nước về quản lý đất đai. Ngày 08 tháng 8 năm 2014, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa đã có công văn yêu cầu Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Hiệp Hòa điều tra để xử lý bằng 01 vụ án khác.

Số tiền 40 triệu đồng Nguyễn Trọng H2 nhận hồi lộ của Trần Thị H, H2 khai đã đưa cho Nguyễn Ngọc T - Giám đốc Văn phòng đăng ký sử dụng đất thuộc Phòng tài nguyên và Môi trường huyện H số tiền 5 triệu đồng tại phòng làm việc. Số tiền còn lại H2 chi tiêu cá nhân hết. Tại Cơ quan điều tra anh T không thừa nhận việc H2 đưa tiền, tiến hành đối chất giữa H2 và anh T nhưng không có kết quả, nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý Nguyễn Ngọc T về hành vi nhận hồi lộ. Tại phiên tòa H2 cho rằng sau khi nhận của Trần Thị H 10.000.000

đồng H2 đã trả nợ cho Anh T 5.000.000 đồng vì trước đó anh T đã vay cho H2 01 cây vàng chứ không phải H2 cho T 5.000.000 đồng sau khi nhận hối lộ của chị H.

Ngày 26/12/2013 UBND huyện H đã có Quyết định thôi việc đối với Nguyễn Trọng H2. Ngày 06/7/2014 Nguyễn Trọng H2 đã tự nguyện giao nộp cho cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Hiệp Hòa số tiền 20.000.000 đồng và ngày 04/8/2016 nộp 10.000.000 đồng để khắc phục hậu quả.

Ngày 08/12/2013, Trần Thị H đã đến Cơ quan CSĐT Công an huyện Hiệp Hòa tự thú và khai nhận toàn bộ hành vi đưa hối lộ cho Nguyễn Trọng H2. Cơ quan CSĐT Công an huyện Hiệp Hòa không xử lý hình sự đối với Trần Thị H về hành vi đưa hối lộ nhưng giáo dục, nhắc nhở. Nguyễn Văn C có đưa Trần Thị H đi đưa tiền cho H2 nhưng anh C không biết việc đưa hối lộ của Trần Thị H nên cơ quan điều tra không xem xét xử lý hình sự.

Với nội dung trên bản án hình sự sơ thẩm số 38/2017/HSST ngày 10/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa đã xét xử và quyết định:

Tuyên bố bị cáo: Nguyễn Trọng H2 phạm tội “Nhận hối lộ”.

Áp dụng: Điểm đ khoản 2, khoản 5 Điều 279; điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46; điều 36; Điều 47; Điều 33 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Trọng H2 05 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt giam bị cáo để thi hành án.

Cấm bị cáo Nguyễn Trọng H2 đảm nhiệm chức vụ nhất định trong thời hạn 03 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

Về vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự, khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu sung công quỹ nhà nước 30.000.000 đồng do bị cáo tự nguyện nộp để khắc phục hậu quả.

Truy thu sung công quỹ nhà nước 10.000.000 đồng do bị cáo nhận hối lộ của chị Trần Thị H mà có.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Áp dụng: Điều 99; Điều 231; Điều 234 Bộ luật tố tụng hình sự:

Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000đ án phí Hình sự sơ thẩm.

Ngoài ra bản án còn xử tuyên về quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 24/7/2017 bị cáo Nguyễn Trọng H2 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, không đồng ý với bản án sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội "Nhận hối lộ" điểm đ khoản 2 Điều 279 của Bộ luật hình sự mà bị cáo chỉ phạm tội nhận hối lộ theo quy định tại khoản 1 Điều 279 của Bộ luật hình sự, bị cáo cho rằng bị cáo không ép chị H đưa tiền cho bị cáo và không đòi hối lộ, mức án xét xử là nặng. Bị cáo đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm và đề nghị cho bị cáo được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Nguyễn Trọng H2 vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang thực hành quyền công tố tại phiên tòa phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng điểm a khoản 2 Điều 248 Bộ luật tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Trọng H2. Giữ nguyên bản án sơ thẩm. Bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Trọng H2 nộp theo đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận để xem xét.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Trọng H2 vắng mặt, lý do xin hoãn phiên tòa bị cáo đưa ra là để đi điều trị hóa chất tại bệnh viện Đại học y Hà Nội, và chú ruột mới qua đời ngày 22/9/2017, tuy nhiên không xuất trình bất kỳ giấy tờ gì để chứng minh sự việc, nên không có căn cứ chấp nhận hoãn phiên tòa. Những người có quyền nghĩa vụ liên quan đều có đơn đề nghị xin được vắng mặt tại phiên tòa nên HĐXX tiến hành xét xử vụ án là đúng với quy định của pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo thì thấy:

Về tội danh: Tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo thừa nhận có nhận của chị H hai lần tiền là 40.000.000 đồng để giúp chị H làm thủ tục cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất báo mất. Bị cáo cũng thừa nhận nếu bị cáo không có chức năng làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì chị H không đưa tiền cho bị cáo. Bản thân bị cáo khi được chị H nhờ làm thủ tục cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chị H có nói bồi dưỡng cho bị cáo 10.000.000 đồng, bị cáo có nói với chị H “*nhà giàu làm gì mà keo kiệt thế*”. Khoảng tháng 9 năm 2012 chị H đã đưa cho bị cáo 30.000.000 đồng tại nhà bị cáo, khoảng tháng 11 năm 2012 chị H lại đưa cho bị cáo thêm 10.000.000 đồng. Khi giao dịch trên điện thoại với chị H để nhận tiền lần hai bị cáo cũng không ép chị H đưa tiền nhưng bị cáo có nói với chị H là kinh tế khó khăn và bảo chị H hỗ trợ. Mặc dù bị cáo không thừa nhận đòi chị H hối lộ nhưng khi được chị H bồi dưỡng 10.000.000 đồng bị cáo đã không thỏa mãn với số tiền này. Bị cáo đã có những gợi ý để buộc chị H đưa thêm tiền cho bị cáo như nói với chị H là “*Nhà giàu làm gì mà keo kiệt thế*”, nói với chị H việc kinh tế nhà bị cáo gặp khó khăn và bảo chị H hỗ trợ. Quá trình điều tra và tại phiên tòa,

chị H và bị cáo H2 đều thừa nhận các nội dung này. Qua đó HĐXX thấy có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 6 đến tháng 11 năm 2012, Nguyễn Trọng H2 là Phó giám đốc văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thuộc Phòng tài nguyên và môi trường huyện H đã có hành vi yêu cầu và nhận hối lộ của Trần Thị H số tiền 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) để làm thủ tục, hồ sơ đề nghị cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q344264 cấp ngày 13/12/2000 (báo mất) cho gia đình Trần Thị H. Sau khi nhận hối lộ, H2 đã làm các thủ tục đồng thời tách thửa và đề nghị UBND huyện H cấp lại thành 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BK809832 (thửa số 130) và BK809831 (thửa số 127) cùng ngày 29/11/2012.

Vì mục đích vụ lợi bị cáo đã lợi dụng chức vụ quyền hạn của mình được giao, nhận hối lộ để làm trái quy định của pháp luật về quản lý Nhà nước trong việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hành vi của bị cáo đã cấu thành tội "Nhận hối lộ" được quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 279 Bộ luật hình sự. Do vậy bản án sơ thẩm số 38/2017/HSST ngày 10/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang đã xét xử bị cáo Nguyễn Trọng H2 về tội "Nhận hối lộ" theo điểm đ khoản 2 Điều 279 Bộ luật hình sự là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan.

Về hình phạt: Hành vi phạm tội của bị cáo là rất táo bạo và nguy hiểm cho xã hội, thể hiện sự coi thường kỷ cương pháp luật của nhà nước, đồng thời xâm phạm trật tự công cộng. Hành vi phạm tội của bị cáo không chỉ làm ảnh hưởng đến an ninh trật tự tại địa phương, mà còn gây dư luận xấu trong nhân dân.

Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy: Bị cáo có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện sửa chữa bồi thường thiệt hại, được chủ tịch UBND huyện H tặng thưởng danh hiệu chiến sỹ thi đua năm 2012 và có anh trai là liệt sỹ hiện bị cáo đang thờ cúng, bị cáo đang mắc bệnh hiểm nghèo (ung thư). Do vậy áp dụng các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự, Điều 47 Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

Ngoài hình phạt chính cần cấm Nguyễn Trọng H2 đảm nhiệm chức vụ nhất định theo quy định tại khoản 5 Điều 279 Bộ luật hình sự. Do bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn và lại đang mắc bệnh hiểm nghèo nên không áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo.

Căn cứ vào tính chất, mức độ, hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự án sơ thẩm đã xử phạt bị cáo 05 năm tù là tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm hành vi của bị cáo. Tại cấp phúc thẩm bị cáo không có thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới so với cấp sơ thẩm nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

Đối với Nguyễn Ngọc T Giám đốc văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thuộc phòng Tài nguyên môi trường huyện H, các đối tượng Đỗ Thành Q, Đặng Xuân T, Nguyễn Thị N đều là cán bộ văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thuộc phòng Tài nguyên và môi trường huyện H và một số cán bộ UBND xã Đ, huyện H

có liên quan đến quy trình làm thủ tục và thẩm tra hồ sơ cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình Nguyễn Văn C, Trần Thị H có dấu hiệu vi phạm quản lý Nhà nước về đất đai. Trần Thị H và Nguyễn Văn C đã thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay tiền của Ngân hàng nhưng lại báo mất Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi được UBND huyện Hiệp Hòa cấp lại hai Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lại tiếp tục đi thế chấp vay tiền của Ngân hàng và vay tiền của anh Nguyễn Văn S. Hành vi đó có dấu hiệu của tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại Điều 139 Bộ luật hình sự. Ngày 07/8/2014 Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa có công văn số 534/CV-VKS gửi đến cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hiệp Hòa yêu cầu tiếp tục điều tra, xác minh làm rõ hành vi của các đối tượng nêu trên để xử lý bằng một vụ án khác. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa không kiến nghị trong bản án để xử lý đối với các đối tượng nêu trên.

Đối với Trần Thị H đưa tiền cho Nguyễn Trọng H2 để làm sổ bìa đỏ có dấu hiệu của tội “Đưa hối lộ” quy định tại Điều 289 Bộ luật hình sự. Nhưng ngày 08/12/2013, Trần Thị H đã đến Cơ quan CSĐT Công an huyện Hiệp Hòa tự thú và khai nhận toàn bộ hành vi đưa hối lộ cho Nguyễn Trọng H2. Cơ quan CSĐT Công an huyện Hiệp Hòa không xử lý hình sự đối với Trần Thị H về hành vi đưa hối lộ nhưng giáo dục, nhắc nhở là có căn cứ và phù hợp với khoản 6 Điều 289 Bộ luật hình sự.

Đối với Nguyễn Văn C có đưa Trần Thị H đi đưa tiền cho H2 nhưng anh Chính không biết việc đưa hối lộ của Trần Thị H nên cơ quan điều tra không xem xét xử lý hình sự.

Đối với số tiền 30.000.000 đồng Nguyễn Trọng H2 tự nguyện nộp để khắc phục hậu quả cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước. Truy thu số tiền 10.000.000 đồng Nguyễn Trọng H2 thu lời bất chính, do nhận hối lộ mà có.

Hội đồng xét xử xét thấy là có căn cứ.

Từ những nhận định trên HĐXX thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Trọng H2. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm. Do bị cáo Nguyễn Trọng H2 không được chấp nhận kháng cáo nên bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên.

Căn cứ vào Điểm a, Khoản 2, Điều 248 Bộ luật tố tụng hình sự.

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Trọng H2. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tuyên bố bị cáo: Nguyễn Trọng H2 phạm tội “Nhận hối lộ”.

Áp dụng: Điểm đ khoản 2, khoản 5 điều 279; các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 36; Điều 47; Điều 33 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Trọng H2 05 (năm) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt giam bị cáo để thi hành án.

Cấm bị cáo Nguyễn Trọng H2 đảm nhiệm chức vụ nhất định trong thời hạn 03 (ba) năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

Về vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự, khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu sung quỹ nhà nước 30.000.000 đồng do bị cáo tự nguyện nộp để khắc phục hậu quả.

Truy thu sung quỹ nhà nước 10.000.000 đồng do bị cáo nhận hồi lộ của chị Trần Thị H mà có.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[2] Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14: Bị cáo Nguyễn Trọng H2 phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 200.000 đồng tiền án phí hình sự phúc thẩm.

Án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Công an tỉnh Bắc Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- CA-VKS-TA-CCTHADS sơ thẩm;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, HCTP.

(Đã ký)

Bạch Đăng Thi

